

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/04/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5	7:25	19	0		19	0	puma
2		P9+TTC2	7:25	22+0	0+0		21+1	0+0	
3		TD3+BK10	7:25	13+9	0+0		12+6	0+0	
4		BK3+P2+P5	7:25	13+9+0	0+0+0		6+12+4	0+0+0	
5		T.UNG	7:25	10	0		5	0	
6		P2	9:25	19	0		19	0	puma
7		TD2+P10+P4	9:25	7+14+1	0+0+0		0+15+7	0+0+0	
8		TD2+RC8	9:25	21+0	0+0		18+2	0+0	
9		P9+TD3	9:25	10+11	0+0		7+12	0+0	
10		P11+P9	11:25	21+0	0+0		16+5	0+0	
11		TD5+P10+BK3	11:25	9+13+0	0+0+0		7+8+4	0+0+0	chuyen 2 pax td5-p10

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/Đi về trong ngày P9-5ng, BK3-3ng, BK15 (td5)-1ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:45
FLIGHT: 1	TO: TD5	CREW: NKhanh - VLin	ETA: 09:55
trang-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN HÙNG	TD5	55	1	12		70	PVDWS	Vietnamese
2	LÊ TRUNG SƠN	TD5	44-45	2	9		75	D-HANH	Vietnamese
3	VŨ TRỌNG HẠCH	TD5	52	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	48	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TÂN VINH	TD5	53-54	2	13		90	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5	49	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	56	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC HAI	TD5	60	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
9	HÀ QUỐC DŨNG	TD5	47	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VINH DUY	TD5	59	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	VU LONG PHI	TD5	61	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
12	SMIRNOV	TD5	57	1	4		103	KH-THAC	Russian
13	KRAMARENKO	TD5	43	1	5		70	KH-THAC	Russian
14	NGUYỄN ĐẠI PHÚC	TD5					64	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC HAI	TD5	50-51	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	TD5	46	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	TD5	58	1	12		75	PVDWS	Vietnamese
18	TRẦN TUẤN ANH	TD5					85	KHOAN	Vietnamese
19	BUI VĂN LỢI	TD5	1000	1	5		77	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	19	20	124	1.404	0	19		
TOTAL		19	20	124	1.404	0	19		
WEIGHT KG				124	1.404	0			

GRAND TOAL: 1.528 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/04/2024	TO: P9 - TTC2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung - Huy	ETA: 09:20
XANH-I			

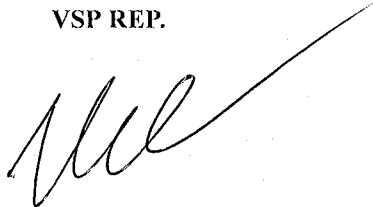
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TOAN	P9				60	71	D-HANH	Vietnamese
2	LE VAN LINH	P9	12	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VIET THANG	P9	36	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN THANH HAI	P9	48	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
5	LE MINH THUY (5406)	P9	54	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO DUC MINH	P9	49	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN DUY	P9	52-53	2	7		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN TRUONG	P9	25	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI NGOC THAN	P9	13	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
10	AKOPOV D.	P9	39	1	5		84	KH-THAC	Russian
11	CHU MINH HUNG	P9	38	1	2		86	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN VAN THINH	P9	37	1	5		75	NIPI	Vietnamese
13	NGUYEN THI HANG	P9					58	NIPI	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HIEU	P9	26-27	2	12		66	YTE	Vietnamese
15	NGUYEN QUANG TU	P9					69	DUY LINH	Vietnamese
16	NGO AN CHUNG	P9	55	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	LE MINH THUY (15598)	P9	56-57	2	8		72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VIET CUONG	P9	51	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	HO SI BINH	P9	50	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
20	VU DINH THUAN	P9	11	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN VAN BANG	P9	47	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN VAN DUNG	P9	71	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	22	22	99	1.564	60	21		
2	TTC2	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	22	99	1.564	60	22		
WEIGHT KG				99	1.564	60			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: TD3 - BK10	CREW: TTrung - ĐNam - THỤ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN THƯƠNG	TD3	18	1	5	50	76	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG PHAM NGOC VŨ	TD3	21	1	6		103	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG MINH TOAN	TD3	17	1	7		58	KHOAN	Vietnamese
4	LAI THE DAT	TD3	23-24	2	16		88	KHOAN	Vietnamese
5	ĐÀO TIỀN THIẾT	TD3	22	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ ANH THOẠI	TD3	13	1	7		93	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN LINH	TD3	12	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	TD3	14	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ ĐĂNG ĐỨC	TD3					69	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÔNG VĂN THỊNH	TD3	15	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	16	1	7		89	KHOAN	Vietnamese
12	NGÔ VĂN CHUNG	TD3	11	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN THĂNG LỢI	TD3	19-20	2	8		58	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	08	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG VŨ	BK10					81	KH-THAC	Vietnamese
16	PHÙNG ANH TUÂN	BK10	07	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM HOÀNG GIANG	BK10	06	1	5	8	78	KH-THAC	Vietnamese
18	NGÔ TUÂN HÙNG	BK10	04	1	3		53	KH-THAC	Vietnamese
19	NGÔ MINH PHƯƠNG	BK10	01	1	10		89	ANTOAN	Vietnamese
20	PHAN VĂN CHUNG	BK10	02-03	2	19		80	ANTOAN	Vietnamese
21	PHẠM HUY ĐÌNH	BK10	09-10	2	18		62	T-TIN	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	05	1	3	50	71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	13	14	91	1.007	50	12		
2	BK10	9	10	72	671	58	6		
TOTAL		22	24	163	1.678	108	18		
WEIGHT KG				163	1.678	108			

GRAND TOAL: 1.949 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/04/2024	TO: BK3 - P2 - P5	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: VTHU - LHaì - dũng	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG THĂNG	BK3					78	KH-THAC	Vietnamese
2	KIREEV M.V.	BK3					81	NIPI	Russian
3	ĐẶNG THE ANH	BK3	500	1	2		67	NIPI	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH HAI	BK3	13	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO VĂN ĐỨC	BK3	12	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ XUÂN THUY	BK3	04	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
7	CHU QUYNH AN	BK3	05	1	6		105	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH NHAN	BK3	10-11	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN DŨNG	BK3	06-07	2	12	75	57	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU VIỆT	BK3	03	1	7		71	ANTOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TÙNG	BK3	02	1	11		68	ANTOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LINH	BK3	08-09	2	8		71	PSV	Vietnamese
13	HOANG ĐỨC CHÍNH	BK3	01	1	5		70	PSV	Vietnamese
14	LÊ VĂN LONG	P2	67	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THE ANH	P2	69	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	LƯU VĂN ĐIẾP	P2	68	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ ANH NGỌC	P2	62-65	4	17		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ĐÌNH ĐẠI	P2	66	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU PHI	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ THANH LONG	P2	70	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐUƠNG VĂN THUẬN	P2	71	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ CÔNG LƯU	P2	72	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	13	14	86	933	75	6		
2	P2	9	11	61	635	0	12		
3	P5	0	0	0	0	40	4		
TOTAL		22	25	147	1.568	115	22		
WEIGHT KG				147	1.568	115			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:30
FLIGHT: 5	TO: T.UNG	CREW: TRƯỜNG - HHai	ETA: 09:30
NAU-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN CAO	T.UNG	28	1	10	15	66	CODIEN	Vietnamese
2	LUU QUANG DAT	T.UNG	34	1	11		69	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN LEM	T.UNG	27	1	11		66	CODIEN	Vietnamese
4	TRINH NGOC TU	T.UNG	22	1	9		73	CODIEN	Vietnamese
5	HOANG DUC HAI	T.UNG	32-33	2	14	80	67	CODIEN	Vietnamese
6	NONG MINH HAI	T.UNG	30	1	12		72	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DOAN	T.UNG	31	1	17		99	CODIEN	Vietnamese
8	NGO KIM NGHIEP	T.UNG	26	1	12		80	CODIEN	Vietnamese
9	ĐANG THE HIEN	T.UNG	24-25	2	13		60	NHATHAU	Vietnamese
10	NGUYEN THE HUNG	T.UNG	23	1	5		76	PVEP	Vietnamese
11	PHAM QUANG HUY	T.UNG	39	1	4		52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	11	13	118	780	95	5		
TOTAL		11	13	118	780	95	5		
WEIGHT KG				118	780	95			

GRAND TOAL: 993 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 10:05
FLIGHT: 6	TO: P2	CREW: NKhánh - VLinh	ETA: 11:55
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ VĂN TRUNG	P2	54	1	9	90	81	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN ĐĂNG TUẤN	P2	52	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG TRỌNG THẢO	P2	55	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO QUANG THIẾT	P2	51	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
6	DƯƠNG HOÀNG HIẾU	P2	53	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
7	CAO ĐẶC DÂN	P2	59	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
8	LÊ VĂN NINH	P2	61	1	7		75	CODIEN	Vietnamese
9	PHẠM THANH KHIẾT	P2	60	1	7		69	DNV	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC KHANG	P2	56	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRỊNH VĂN TIỀN	P2	44-45	2	11		87	ANTOAN	Vietnamese
12	VŨ XUÂN TRƯỜNG	P2	47-48	2	20		65	ANTOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC ANH	P2	46	1	17		98	ANTOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN CHUÔNG	P2	43	1	12		75	ANTOAN	Vietnamese
15	NGÔ VĂN TÌNH	P2	49-50	2	20		64	ANTOAN	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC HAO	P2	57	1	6		60	PSV	Vietnamese
17	TRẦN VĂN TOÀN	P2	58	1	9		58	PSV	Vietnamese
18	ĐIỀU KIỆU HẠNH	P2					88	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

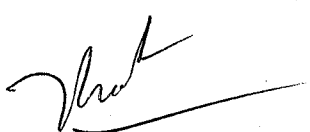
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	18	19	164	1.318	90	19		
TOTAL		18	19	164	1.318	90	19		
WEIGHT KG				164	1.318	90			

GRAND TOAL: 1.572 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/04/2024	TO: TD2 - P10 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung - Huy	ETA: 11:40
XANH-2			

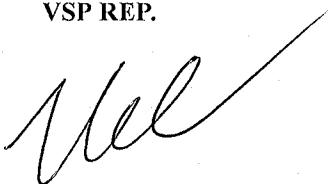
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN DOAI	TD2	24-25	2	7	40	84	KHOAN	Vietnamese
2	DUONG HAI BANG	TD2	23	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN DUY KIEN	TD2	22	1	3		79	KHOAN	Vietnamese
4	LE XUAN PHUONG	TD2	26	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
5	MA ANH TIT	TD2	37	1	11		68	CODIEN	Vietnamese
6	LUU HO ANH	TD2	35	1	10	15	79	CODIEN	Vietnamese
7	TRAN SON TUNG	TD2	27	1	10	24	70	CODIEN	Vietnamese
8	K LOC	P10	99	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM HUYNH VU	P10	03	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TIEN HOANG SON	P10	97	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN ANH KHOA	P10	75	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN BAO LAM	P10	74	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
13	LE NGOC NGUYEN	P10	96	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
14	LE NGOC HAI	P10	700	1	10		96	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DINH HAI	P10	76	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG MINH TAN	P10	01-02	2	19		78	YTE	Vietnamese
17	TRAN DUC BA	P10					77	KH-THAC	Vietnamese
18	VU BAO TRUNG	P10	04	1	4		87	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM NGOC THANH	P10	95	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VAN LOI	P10	73	1	11		64	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN GIAP	P10	98	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
22	LE QUANG VINH	P4	07	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	7	8	53	537	79	0		
2	P10	14	14	106	1.053	0	15		
3	P4	1	1	5	65	0	7		
TOTAL		22	23	164	1.655	79	22		
WEIGHT KG				164	1.655	79			

GRAND TOAL: 1.898 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/04/2024	TO: TD2 - RC8	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Dương - N.ANH - DTùng	ETA: 11:45
CAM-2			

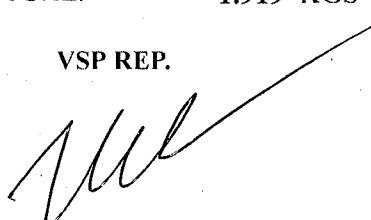
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	42	1	3		61	KHOAN	Vietnamese
2	TRỊNH QUỐC KHANH	TD2	43	1	4	70	78	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2					67	KHOAN	Vietnamese
4	QUÁCH VĂN CÚ	TD2	49-50	2	19		68	KHOAN	Vietnamese
5	QUÁCH THÈ ANH	TD2	56	1	13		71	KHOAN	Vietnamese
6	VÕ SĨ MINH TÂN	TD2	57	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
7	HỒ VĂN HUNG	TD2	46-47	2	6		72	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THANH	TD2	69	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TIỀN QUÂN	TD2	41	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ TRƯỜNG LAM	TD2	51	1	7		48	KHOAN	Vietnamese
11	ĐINH QUANG TRƯỜNG	TD2	45	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
12	IURI KRESTNIKOV	TD2	61	1	12		100	NHATHAU	Russian
13	CIRMIZ EUGENIU ROMANA	TD2	62-63	2	15		87	NHATHAU	Romania
14	SUNNY SAJAN KANAL	TD2	64	1	17		106	NHATHAU	Indian
15	IVANOV ANTON	TD2	58-59	2	19		86	NHATHAU	Russian
16	HOANG MINH SƠN	TD2	48	1	10		74	ANTOAN	Vietnamese
17	MULNUICHKIN V.V.	TD2	55	1	15		90	DVL	Russian
18	ĐẶNG VĂN CHUNG	TD2	54	1	18		78	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN CHÍ LINH	TD2	53	1	8		83	DVL	Vietnamese
20	LÊ VĂN THẮNG	TD2	52	1	10		78	DVL	Vietnamese
21	TRẦN ĐÌNH ĐỊNH	TD2	44	1	7		72	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HOANG	TD2	70	1	10		70	CO DIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

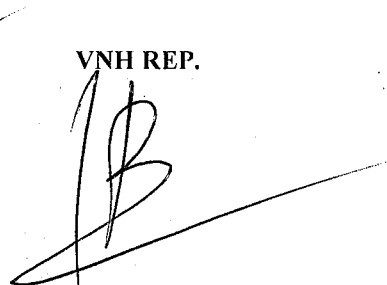
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	25	211	1.638	70	18		
2	RC8	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	25	211	1.638	70	20		
WEIGHT KG				211	1.638	70			

GRAND TOAL: 1.919 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 9	TO: P9 - TD3	CREW: VTHU - LHải - dững	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TIẾN TÙNG	P9	11	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN HAI	P9	08	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN CỬ	P9					56	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN CAO CHI	P9	12	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
5	HỒ TRƯỜNG KIẾN	P9	09-10	2	12		95	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐO VĂN THANH	P9	07	1	5	128	80	CODIEN	Vietnamese
7	DUYNG HUU THUAN	P9	06	1	6		63	CODIEN	Vietnamese
8	TRẦN VĂN THỨC	P9	02	1	10		69	MERMAID	Vietnamese
9	ĐÀO NGÂN LAM	P9	01	1	8	30	65	MERMAID	Vietnamese
10	BUI VĂN QUÂN (1987)	P9	03	1	5		64	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN CAO HOÀNG	TD3	31	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM XUÂN HIẾU	TD3	34	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	TD3	37	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
14	ĐOÀN HIẾU	TD3	29	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN THUỖNG VŨ	TD3	30	1	10	20	92	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN THẾ DŨNG	TD3	38	1	12		65	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	TD3	39	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ANH KIẾT	TD3	35	1	13	10	72	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM XUÂN MẠNH	TD3	40-41	2	10		66	PSV	Vietnamese
20	BUI TUÂN THANH	TD3	28	1	6		55	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TUÔNG	TD3	32-33	2	10		69	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	10	10	58	699	158	7		
2	TD3	11	13	90	790	30	13		
TOTAL		21	23	148	1.489	188	20		
WEIGHT KG				148	1.489	188			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 10	TO: P11 - P9	CREW: HUNG - N.Cuong - Tú	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN HÀ	P11	55	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY HÀ	P11	61	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VIỆT DŨNG	P11	44-45	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P11	46	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	P11	48-49	2	15		100	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG VĂN TRỌNG	P11	54	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN KIM THẠCH	P11	52-53	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC XUÂN	P11	50-51	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU NGŨ	P11	47	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HÙNG	P11	26	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
11	KRAVTSOV ALEXANDR	P11	20	1	19		78	DVL	Russian
12	NGUYỄN ĐỨC PHỤNG	P11	59-60	2	20		65	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN THIỆU BÌNH	P11	57-58	2	20		62	DVL	Vietnamese
14	PHẠM VĂN CƯỜNG	P11	24-25	2	20		85	DVL	Vietnamese
15	VƯƠNG KIẾN QUỐC	P11	27	1	9		82	DVL	Vietnamese
16	LÊ HOÀI THIÊN	P11	23	1	15		75	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU VIỆT	P11	43	1	14		62	DVL	Vietnamese
18	PHẠM VĂN TUẤN	P11	21	1	5		85	PSV	Vietnamese
19	LÊ THANH HẢI	P11	56	1	7		62	PSV	Vietnamese
20	DUƠNG VĂN TÚ	P11	22	1	6		60	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN HẢI TRUNG	P11	19	1	4		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	21	28	217	1.509	0	16		
2	P9	0	0	0	0	20	5		
TOTAL		21	28	217	1.509	20	21		
WEIGHT KG				217	1.509	20			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

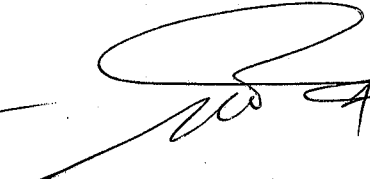
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



Điểm VSP

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/04/2024	TO: TD5 - P10 - BK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Dương - N.ANH - DTùng	ETA: 14:05
cam-3			

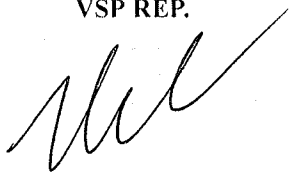
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	TD5	65	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUƠNG HỒ	TD5	67	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HOÀNG KHA	TD5	62	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐÌNH QUANG	TD5	66	1	13	20	77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT ANH	TD5	63	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ ĐẠI ĐÌNH	TD5	64	1	6		65	PSV	Vietnamese
7	LÊ TIẾN THANH	TD5	69-70	2	7		60	PSV	Vietnamese
8	LÊ VĂN LỢI	TD5	68	1	5		57	PSV	Vietnamese
9	TRẦN QUANG PHÚ	TD5	71-72	2	12		60	DK9	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P10	15-16	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P10	06	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	17	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ CHI HIỆU	P10	05	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	13	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM QUỐC CUÔNG	P10	10	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM HIỆU LIÊM	P10	07-08	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG TUẤN ANH	P10	18	1	8		88	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN QUANG	P10	19	1	6	32	70	CODIEN	Vietnamese
19	LÊ VĂN THÔNG	P10	14	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
20	HÀ THAI QUỐC	P10	09	1	8		75	XAYLAP	Vietnamese
21	TÔNG VĂN ĐỨC	P10	11-12	2	14		72	XAYLAP	Vietnamese
22	VŨ BẢO THANH	P10	20-21	2	15		85	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

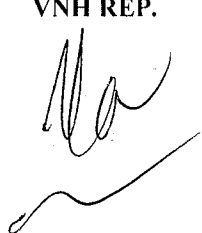
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	9	11	63	599	20	7	2	CHUYEN 2 PAX TD5-P10
2	P10	13	17	107	936	32	8		
3	BK3	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	28	170	1.535	52	19		
WEIGHT KG				170	1.535	52			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

VSP REP.

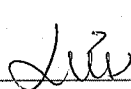


VNH REP.



CAPTAIN



 VSP

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/04/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+P10	7:25	21+0	0+0		20+2	0+0	
2		BK6+TD3+TD5	9:25	4+16+0	0+0+0		0+15+7	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2024	TO: TD5 - P10	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.Cường - DTùng	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG VĂN HƠN	TD5	21	1	6		88	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN HOANH VŨ	TD5	16	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
3	HOÀNG NGỌC DANH	TD5	13	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ HOÀNG BẢO AN	TD5	15	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM XUÂN HAI	TD5	11	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	07	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD5	17	1	6		54	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN BẠCH TÙNG	TD5	02	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
9	LƯU VĂN PHONG	TD5	01	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN THUAN	TD5	08	1	2		73	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH HUYNH	TD5	05	1	2		87	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NGÀ	TD5	20	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
13	ĐẠO QUANG MINH	TD5	14	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	TRỊNH HOÀNG KHANH	TD5	06	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
15	TẠ NGỌC THANH	TD5	04	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH TÂM	TD5	22	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC HÙNG	TD5	03	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN DUY KHANH	TD5	18-19	2	14		79	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ HOÀI THANH	TD5	11	1	10		75	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LINH	TD5	10	1	11		65	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU TRIẾT	TD5	09	1	9		62	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

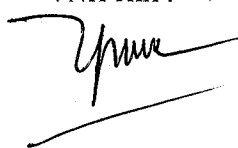
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	21	22	151	1.544	0	20		
2	P10	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		21	22	151	1.544	0	22		
WEIGHT KG				151	1.544	0			

GRAND TOAL: 1.695 KGS

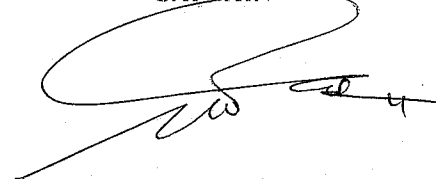
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2024	TO: BK6 - TD3 - TD5	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.Cường - DTùng	ETA: 11:40
Hồng - 2.			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN QUANG VŨ	BK6	13	1	14		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN AN NINH	BK6	12	1	15		72	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐO VĂN HIẾU	BK6	11	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯỜNG QUYẾT THĂNG	BK6	01	1	10	35	82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HOÀNG NAM	TD3	46	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC THANH	TD3	21	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ SỸ HÙNG	TD3	44	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
8	BUI VĂN NGHĨA	TD3	01	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
9	DƯƠNG HOÀNG LONG	TD3	45	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
10	NGO DUY THANH	TD3	48-49	2	6		69	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT HÙNG	TD3	22	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH NHÂN	TD3	02-03	2	10		73	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH TIẾN	TD3	47	1	8		93	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	TD3	05	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
15	ĐINH VIỆT DŨNG	TD3	08	1	6		61	DVL	Vietnamese
16	VŨ ANH TRỌNG	TD3	43	1	10		80	DVL	Vietnamese
17	HỒ SỸ THANH	TD3	50	1	6		57	PSV	Vietnamese
18	VÔ HỮU TÂN	TD3	07	1	12	5	79	DVL	Vietnamese
19	VĂN TUẤN DŨNG	TD3	04	1	3	12	67	KHOAN	Vietnamese
20	LƯU QUYẾT THĂNG	TD3				60	67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	4	4	49	301	35	0		
2	TD3	16	17	94	1.153	77	15		
3	TD5	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		20	21	143	1.454	112	22		
WEIGHT KG				143	1.454	112			

GRAND TOAL: 1.709 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN